

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2025
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.
- Ông Võ Đức Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa: ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: ấp B xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.(có mặt)
- Bị đơn:** ông Nguyễn Minh P, sinh năm: 1989. Địa chỉ: ấp D xã M, huyện T, tỉnh Long An.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2024, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông P đến hôn nhân do tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2016, ngày 22/11/2016. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp. Bà T và ông P sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 10/6/2021 và Nguyễn Minh P1, sinh ngày 21/4/2017, ly hôn bà T yêu cầu được nuôi hai

con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/con, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn đúng như bà T trình bày, nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông P không đồng ý, ông P còn thương vợ thương con, ông P cam kết xin nhận lỗi với bà T, ông P sẽ thay đổi, lo làm ăn có trách nhiệm với gia đình.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 10/6/2021 và Nguyễn Minh P1, sinh ngày 21/4/2017, nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông P yêu cầu được nuôi con Nguyễn Minh P1, giao con Nguyễn Ngọc V cho bà T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng hai bên không đoàn tụ được, bà T kiên quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật của thẩm phán xây dựng hồ sơ đúng trình tự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa thể hiện khách quan. Về nội dung vụ án: bà T xin ly hôn, ông P không đồng ý nhưng không có thiện chí hàn gắn nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 10/6/2021 và Nguyễn Minh P1, sinh ngày 21/4/2017. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Theo bản tự khai của con chung Nguyễn Minh P1, sinh ngày 21/4/2017 có nguyện vọng ở với bà T và hiện tại hai con chung đang được bà T trực tiếp chăm sóc nên giao hai con cho bà T nuôi là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Ngọc T xin ly hôn với ông Nguyễn Minh P vì vậy xác định tranh chấp giữa bà T và ông P là tranh chấp về ly hôn. Ông P cư trú tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu đương sự đã giao nộp thì xác định hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn

tại Ủy nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 22/11/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2016. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp. Nay bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P. Ông P có đến Tòa để giải quyết, có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng ông P không đưa ra bất kỳ giải pháp nào hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần cho bà T và ông P trở về đoàn tụ đồng thời cho bà T và ông P thời gian để khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song cả hai không khắc phục được. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P là trầm trọng. Yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nuôi con chưa thành niên: theo lời trình bày, bà T và ông P có 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 10/6/2021 và Nguyễn Minh P1, sinh ngày 21/4/2017, hiện hai con đang sinh sống và học tập ổn định tại ấp B xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang với bà T từ khi sinh ra đến nay. Ông P đang sinh sống tại ấp D xã M, huyện T, tỉnh Long An, hai đứa trẻ sống chung từ nhỏ có sự gắn kết nếu giao con Nguyễn Minh P1 cho ông P nuôi thì phải thay đổi chỗ ở của con nên ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập, tâm lý của con và theo nguyện vọng của con muốn ở với mẹ. Do đó giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chưa thành niên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35 và Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T đối với ông Nguyễn Minh P.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Minh P.

Về nuôi con chưa thành niên: giao bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 10/6/2021 và Nguyễn Minh P1, sinh ngày 21/4/2017, ông Nguyễn Minh P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông Nguyễn Minh P được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009247 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà T nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Minh P không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết nếu không đồng ý với quyết định của bản án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/02/2025. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã M., huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy